

80 NĂM PHÁT HIỆN VÀ NGHIÊN CỨU VĂN HÓA ĐÔNG SƠN

NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀO THÀNH TỰU NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ THANH HÓA THỜI DỰNG NƯỚC

VIÊN NGỌC LƯU*

Trong những năm 60-70 của thế kỷ XX, các nhà khảo cổ học Việt Nam cùng với các nhà khoa học nhiều ngành khác, đã tập trung nghiên cứu về Văn hóa Đông Sơn để làm sáng tỏ thời kỳ dựng nước của dân tộc.

Thành tựu nghiên cứu của khảo cổ học Việt Nam đã khẳng định giai đoạn Văn hóa Đông Sơn là giai đoạn phát triển cao nhất và cuối cùng trước lúc nước ta bị phong kiến phương Bắc thống trị. Đến giai đoạn này, "tuy còn những nét khác biệt trong chi tiết, nhưng bộ mặt văn hóa giữa hai lưu vực sông Hồng và sông Mã đã thống nhất là một, phản ánh quá trình hình thành dân tộc ta ở buổi đầu dựng nước. Văn hóa Đông Sơn - một nền văn hóa cuối thời đại đồ đồng - đầu thời đại đồ sắt, là một nền văn hóa độc đáo phát triển tại chỗ trên cơ sở những nền văn hóa trước đó ở lưu vực sông Hồng, sông Mã và sông Cả (sông Lam). Đây là kết quả của sự hòa hợp văn hóa chứ không phải là sự phát triển từ lưu vực sông Hồng vào sông Mã hay ngược lại. Trong quá trình phát triển, giữa hai vùng vẫn có sự giao lưu trao đổi, tạo điều kiện cho sự hòa hợp ở giai đoạn cuối cùng của Văn hóa Đông Sơn" (1).

Văn hóa Đông Sơn phân bố khắp miền Bắc Việt Nam, tập trung chủ yếu ở lưu vực sông Hồng, sông Mã và sông Cả. Ở lưu vực sông Hồng, Văn hóa Đông Sơn kéo từ Lào Cai đến Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, đến tận Hải Phòng.

Ở lưu vực sông Mã, Văn hóa Đông Sơn phân bố khắp bốn vùng: Miền núi, trung du, đồng bằng và ven biển, nhưng chủ yếu tập trung ở vùng đồng bằng, ven các sông Mã, sông Chu. Ở lưu vực sông Cả, Văn hóa Đông Sơn có thưa thớt hơn, nhưng cũng được phân bố rộng khắp từ trung du đến đồng bằng và ven biển; Từ Nghĩa Đàn đến Đức Thọ, Nam Đàn, Diễn Châu và ven biển Nghi Xuân, Thạch Hà (Hà Tĩnh). Đến Quảng Bình thì Văn hóa Đông Sơn chỉ còn phát hiện được lẻ tẻ.

Về niên đại, các phân tích khoa học cho thấy Văn hóa Đông Sơn tồn tại trong khoảng thời gian từ đầu thiên niên kỷ I tr.Cn đến thế kỷ II, III s. Cn. Niên đại tuyệt đối của một số di chỉ thuộc Văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hóa cũng nằm trong khoảng ấy: Ở Đông Sơn, niên đại C_{14} là 2820 ± 120 năm cách ngày nay; Núi Nấp: 1675 ± 85 năm cách ngày nay.

*Ban Nghiên cứu và biên soạn Lịch sử Thanh Hoá.

Theo trục không gian, để làm sáng tỏ các đặc điểm địa phương, nhiều nhà nghiên cứu phân chia Văn hóa Đông Sơn thành hai loại hình ở hai vùng, phản ánh hai bộ tộc lớn lúc bấy giờ đã hoà hợp xây dựng nên nước Văn Lang của các vua Hùng, mà sau đó, khi phong kiến phương Bắc thống trị, là đất của hai quận Giao Chỉ (vùng lưu vực sông Hồng ngày nay) và Cửu Chân (từ Thanh Hóa đến Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay).

*

Thành tựu 80 năm phát hiện và nghiên cứu Văn hóa Đông Sơn đã đem lại những nhận thức to lớn và sâu sắc trên nhiều lĩnh vực. *Những chứng tích khảo cổ học đã giải mã được nhiều khoảng trống của lịch sử xứ Thanh, đã làm sáng tỏ những ghi chép tản mạn trong chính sử của ta lẫn Trung Quốc và những truyền thuyết dân gian; Đã cho thấy một thời kỳ lịch sử đầy sôi động, những phát triển vượt bậc của xứ Thanh trong buổi đầu dựng nước.*

Theo những cứ liệu khảo cổ học, Thanh Hóa là nơi *phát hiện ra nền Văn hóa Đông Sơn nổi tiếng, đồng thời cũng là nơi phát hiện được nhiều di tích, di chỉ Văn hóa Đông Sơn nhất (124 di chỉ), với số lượng và loại hình hiện vật nhiều và phong phú nhất* (đặc biệt là trống đồng Đông Sơn - một sản phẩm trí tuệ siêu việt của người Việt cổ, đã phát hiện được gần 80 chiếc - chiếm 1/3 tổng số của cả nước) (2), *và phân bố rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh, so với cả nước.* Xứ Thanh cũng là nơi phát hiện được phong phú nhất về loại hình di tích Văn hóa Đông Sơn, bao gồm di tích cư trú; di tích, di chỉ cư trú - mộ táng; di tích mộ táng; di chỉ xưởng v.v... và rất nhiều di vật được phát hiện lẻ tẻ, ngẫu nhiên.

Riêng khu di tích khảo cổ học Đông Sơn từ khi phát hiện (1924) đến nay, đã qua 6

lần khai quật chính thức và nhiều lần điều tra, thám sát, với diện tích khai quật hàng ngàn m²; Đã cho thấy tầng văn hóa của giai đoạn Đông Sơn có độ dày trung bình từ 1-1,4m, sâu từ 1,8 - hơn 2m, có sự phân biệt rõ các giai đoạn văn hóa trước và sau Văn hóa Đông Sơn.

Sự phong phú về số lượng và loại hình di tích, di chỉ, số lượng và loại hình hiện vật, địa bàn cư trú, độ dày của tầng văn hóa, *cho thấy sự ổn định, làm chủ đồng bằng của người Việt cổ ở Thanh Hóa với những làng xóm đông đúc định cư lâu đời hàng ngàn năm, trên một khu vực rộng hàng vạn m² như Đông Sơn, Thiệu Dương, Núi Nấp, Quỳnh Chủ... tập trung ở vùng ven các sông Mã, sông Chu hoặc ven chi lưu các sông này, nơi những gò đất cao (thường gọi là gò, mả, cồn, bãi, đồng v.v...) thuộc các huyện Đông Sơn, Thiệu Hóa, Hoằng Hóa, Thành phố Thanh Hóa...*

Ở trung du và miền núi cũng phát hiện được Văn hóa Đông Sơn như Triệu Sơn, Vinh Lộc, Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Thạch Thành... Ở vùng biển như Hậu Lộc, Tĩnh Gia cũng phát hiện được các di tích Văn hóa Đông Sơn như Núi Bần, khe Máng, Bù Ngồn, Đại Lộc...

Như vậy, trong đất nước của các vua Hùng, cư dân của bộ Cửu Chân đã có mặt khắp địa bàn toàn tỉnh.

Thành tựu phát hiện và nghiên cứu Văn hóa Đông Sơn trong 80 năm qua là những chứng cứ lịch sử vững chắc giúp chúng ta hình dung được phần nào cuộc sống phong phú của cư dân Việt cổ trên đất Thanh Hóa thời các vua Hùng dựng nước, trên tất cả các lĩnh vực.

Về kinh tế: Những chứng tích khảo cổ học cho thấy kinh tế chủ đạo thời Văn hóa Đông Sơn là *nông nghiệp*.

Nghề nông trồng lúa nước đã có mặt ở Thanh Hóa từ hậu kỳ thời đại đá Mới - Văn hóa Đa Bút. Qua chặng đường phát triển liên tục hàng ngàn năm, đến Văn hóa Đông Sơn, nghề trồng lúa nước đã có bước phát triển mạnh mẽ. Cư dân Văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hóa đã chế tác hàng loạt các loại hình công cụ sản xuất bằng đồng, sắt giành cho nông nghiệp như rìu, cuốc, lưỡi cày, mai, thuổng v.v... Đặc sắc nhất là lưỡi cày hình cánh bướm có mũi nhọn, hai cánh xoè ra hai bên, mặt phẳng, lưng có gờ sống trâu rỗng làm họng tra cán. Miệng họng tra cán thường có hình bán nguyệt, có lỗ nhỏ để đóng chốt hãm. Nghiên cứu loại công cụ này, các nhà khoa học đã tìm thấy bằng chứng (vết mòn hai rìa công cụ) cho thấy công dụng rẽ và lật đất liên tục bằng lực kéo - đó là công dụng của chiếc cày. Thanh Hóa là nơi phát hiện khá nhiều lưỡi cày hình cánh bướm ở các địa điểm Phà Công, Thiệu Dương, Đông Sơn (có hơn 30 chiếc); Có nơi như Thiệu Dương, trong một đợt khai quật đã thu được 11 chiếc.

Nền sản xuất nông nghiệp dùng cày của người Cửu Chân trong Văn hóa Đông Sơn còn được chứng minh qua việc phát hiện những chiếc liềm bằng đồng ở Thiệu Dương, những xương trâu bò trong các di chỉ Thiệu Dương, Quỳnh Chủ... Và đặc biệt, ở di chỉ Đông Sơn còn tìm thấy cả tượng bò bằng đất nung - chứng tỏ một sự tôn vinh của người Việt cổ, hoặc những hình người già gạo được trang trí trên hầu khắp các trống đồng Đông Sơn.

Nghiên cứu Văn hóa Đông Sơn, các nhà khảo cổ học cũng đã tìm thấy chứng tích cho thấy có thể lúa nếp đã được trồng khá phổ biến, là nguồn lương thực quan trọng của người Cửu Chân. Bằng chứng là tại các di chỉ Đông Sơn, Thiệu Dương, Núi Nấp...

đều tìm thấy mảnh vỡ của chõ đồ xôi, đặc biệt tại Quỳnh Chủ đã tìm thấy mảnh vỡ của hàng chục chiếc.

Chăn nuôi đã trở thành nghề phụ hết sức quan trọng của người Đông Sơn ở Thanh Hóa. Phần lớn những gia súc, gia cầm đã được thuần dưỡng và phổ biến từ thời Văn hóa Đông Sơn là trâu, bò, chó, lợn, gà... Tại các di chỉ Đông Sơn, Quỳnh Chủ, đã phát hiện rất nhiều di cốt, xương răng các loài vật nuôi như trâu, bò, lợn... lẫn trong nơi cư trú. Bên cạnh đó, cũng phát hiện được xương răng các loài lợn rừng, tê giác, hươu, nai, cây hương, nhím (dím), chuột... cùng các loại vũ khí như mũi tên, dáo... chứng tỏ sản bản động vật của cư dân Đông Sơn.

Gia súc, gia cầm đã trở thành vật nuôi thân thiết của người Đông Sơn ở Thanh Hóa, điều này còn được thể hiện qua những hình tượng chó, bò được trang trí trên trống, thạp đồng Đông Sơn. Đặc biệt, trong một ngôi mộ ở Đông Sơn còn tìm thấy một trống minh khí, trên mặt được đúc một khối tượng chó rất sống động.

Đánh cá là nghề đã phát triển từ thời Văn hóa Đa Bút. Đến Văn hóa Đông Sơn càng được phát triển mạnh với nhiều hình thức khai thác: Người Đông Sơn ở Thanh Hóa đã phổ biến dùng bè, mảng, thuyền để đánh cá trên các sông và ra biển. Trên các trống đồng Đông Sơn như trống Quảng Xương, hình ảnh chiếc thuyền dáng cong với nhiều người chèo là một bằng chứng. Nhưng bằng chứng rõ ràng nhất là tại các di chỉ Đồng Ngầm, Quỳnh Chủ, Thiệu Dương, Đông Sơn... đã thu được rất nhiều chì lưới bằng đá, bằng đất nung với nhiều kiểu dáng khác nhau: Có loại hình tròn, hình ống, hình quả nhót, quả cân, có cả loại hình chóp cụt. Những lưới câu bằng đồng có

ngạnh, có lỗ buộc dây lại được tìm thấy ở Thiệu Dương, Đông Sơn. Sách *Lĩnh Nam chích quái* cũng chép: "người thời Hùng Vương thường ăn canh cá; họ còn biết dùng cá, tôm làm mắm" (3).

Các nghề thủ công của cư dân Văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hoá cũng phát triển mạnh mẽ. Nông nghiệp trồng lúa nước đã tạo điều kiện thúc đẩy các nghề thủ công phát triển và ngược lại. Công cụ đá đã được thay thế bằng công cụ bằng đồng, sắt do có nhiều ưu việt hơn. Những người thợ sản xuất công cụ bằng đá chuyển thành những thợ làm đồ trang sức, mỹ nghệ với kỹ thuật khoan tách lõi, tiện đá phát triển đến độ tinh xảo, điêu luyện. Trong các khu di chỉ ở Đông Sơn, Thiệu Dương, Quỳnh Chủ, đã phát hiện được nhiều khuyên tai bằng đá quý như ngọc bích, nephirit được mài, khoan tinh vi. Ở Đồng Ngâm đã tìm thấy những chuỗi hạt cườm hình trụ bằng đá trắng được khoan tiện rất tinh xảo.

Người Cửu Chân đã có những xưởng chế tác đồ trang sức với quy mô khá lớn, tập trung ở vùng huyện Đông Sơn ngày nay, trong các di chỉ Bái Tê, Côn Cấu (xã Đông Lĩnh) Bái Khuýnh, Bái Rát (xã Đông Hòa). Tại các di chỉ này đã phát hiện được khá nhiều phế liệu, phế phẩm của đồ trang sức như khuyên tai, vòng tay.

Nghề mộc, nghề đan lát: Thời Văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hóa cũng phát triển khá mạnh. Sự phát triển của các loại hình công cụ bằng kim loại đã tạo điều kiện để các nghề này tiến bộ vượt bậc. Bằng chứng là trên các mảnh đáy đồ gốm ở Đông Sơn, Quỳnh Chủ còn in đậm dấu vết của các tấm đan với các kiểu lóng một, lóng đôi với những nan được vót khá đều, nhẵn và đẹp, dùng để lót đồ gốm khi phơi. Những hình trang trí trên thân các trống đồng, thạp, thố, như cán dáo, mái chèo, nhà sàn, chày,

cánh cung, thuyền bè v.v... là bằng chứng về sự phát triển của nghề mộc thời kỳ này.

Nghề dệt vải: Thời Văn hóa Đông Sơn, vải trở thành nguyên liệu quan trọng và phổ biến dùng để may quần áo, khăn, khố của cư dân Việt cổ ở Thanh Hóa. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy nhiều bằng chứng có sức thuyết phục cao, cho thấy cư dân Việt cổ đã phổ biến dùng vải và kỹ thuật xe sợi, dệt vải đã phát triển.

Trong các ngôi mộ ở Đông Sơn, Quỳnh Chủ, Núi Nấp, đã tìm thấy dấu vết của vải in lại trên xương cốt người chết. Trên các vũ khí, công cụ bằng đồng dùng làm đồ tùy táng cũng phát hiện được nhiều dấu vải: Trên tấm che ngực bằng đồng phát hiện ở Thiệu Dương, chiếc rìu lưỡi xéo, rìu xòe cán trong ngôi mộ ở Núi Nấp, ở Quỳnh Chủ đều dính dấu vết của vải sợi dệt mịn. Tượng phụ nữ trên đốc kiếm ngắn ở Núi Nưa, Triệu Sơn, những hình người trang trí trên trống Quảng Xương... đều được trang bị đủ váy, áo, khăn, khố, thắt lưng v.v... Tất cả đều cho thấy sự phổ biến của vải và sự phát triển của nghề kéo sợi, dệt vải và nhu cầu dùng vải trong đời sống của người Đông Sơn trên đất Cửu Chân.

Nghề làm đồ gốm: Thời kỳ này ở Thanh Hóa cũng khá phát triển. Tuy nhiên, do ưu thế của công cụ bằng đồng có thể chế tác thành những đồ đựng bằng đồng hay những loại đồ đựng khác bằng gỗ, tre v.v... mà người ta không chú ý mấy đến việc trang trí hoa văn trên đồ gốm như các thời kỳ trước. Trong các hố khai quật, các nhà khảo cổ đã phát hiện thấy mặt độ mảnh gốm dày đặc. Trong mỗi m² của tầng văn hóa có tới hàng ngàn mảnh. Đây cũng là bằng chứng cho thấy một nền kinh tế nông nghiệp rất phát triển trong xã hội người Cửu Chân thời Đông Sơn.

Nghề luyện kim và chế tác kim loại: Thời Văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hóa cũng như cả nước đã trở thành một nghề tách khỏi nông nghiệp do đã phát triển đến trình độ kỹ thuật trác tuyệt. Công việc chế tác đồ kim loại bao gồm nhiều công đoạn phức tạp: Từ khai thác quặng cho đến khâu tạo ra các thành phẩm. Bởi thế, có lẽ đến thời Văn hóa Đông Sơn, nghề luyện kim và chế tác kim loại đều có sự phân công lao động sâu sắc.

Cư dân Văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hóa đã khai thác và chế tác kim loại tại chỗ. Thanh Hóa là nơi có nhiều mỏ kim loại quý, trong đó mỏ đồng lộ thiên ở Lương Sơn (Cẩm Thủy) có trữ lượng khá lớn, đến thế kỷ 17 vẫn còn khai thác. Sử thi "Đẻ đất đẻ nước" của người Mường ở Thanh Hóa cũng đã mô tả cảnh dân Mường kéo nhau đi khai thác mỏ. Tại các di chỉ Thiệu Dương, Quý Chủ đã tìm thấy những mảnh nồi nấu đồng, muôi múc đồng còn dính xỉ. Người Đông Sơn ở Thanh Hóa đã chế tác được rất nhiều loại hình công cụ, vũ khí bằng kim loại với những chức năng và kỹ thuật khác nhau: Từ trống, thạp, âu, chậu, bình, rìu, lưỡi cày, đục vũa, kim khâu, dao găm, mũi tên, tấm che ngực v.v... đến đồ trang sức như vòng đeo tay, vòng tai v.v...

Đồ kim khí của người Đông Sơn ở Thanh Hóa đã đạt đến trình độ tuyệt kỹ: Ở Thiệu Dương đã tìm được một kim khâu bằng đồng có lỗ khâu dây (kích thước bằng chiếc kim khâu len ngày nay) - là chiếc kim duy nhất cho đến nay được tìm thấy. Ở Đông Sơn tìm thấy một chiếc ấm độc đáo: Trên vôi có ba tượng người ngồi xổm, ở Thiệu Dương phát hiện được một chiếc thổ lớn trên thân trang trí hoa văn khắc vạch xen giữa là những vòng tròn đồng tâm, miệng có đôi tượng ốc đối xứng nhau.

Về vũ khí, ngoài dao chiếm tỷ lệ khá cao (ở Đông Sơn thu được hàng trăm chiếc, Thiệu Dương 75 chiếc), thì dao găm của người Đông Sơn ở Thanh Hóa cũng có nhiều loại, có chấn tay hoặc không có chấn tay. Nhưng kỹ thuật độc đáo ở chỗ trên những chiếc kiếm, dao găm ở Núi Nưa, Triệu Sơn, Đông Sơn, đã tạo được phần chuôi là tượng phụ nữ hai tay khuỳnh ra tạo thành đốc chấn.

Về đồ trang sức, người Đông Sơn ở Thanh Hóa đã chế tác được những chiếc vòng tay, vòng chân, khuyên tai đạt đến trình độ kỹ xảo với nhiều loại hình, kích thước và kiểu dáng. Ở di chỉ Đông Sơn đã tìm thấy một vòng đồng cỡ lớn được chế tạo giống như những sợi thừng bện lại với nhau, nặng tới 0,7kg; Có chiếc lại giống con rắn khoanh tròn mồm ngậm lấy đuôi. Người ta cũng tìm được một số vòng hình lòng máng được trang trí hoa văn hình lông chim, hình bông lúa ở mặt ngoài. Ở Thiệu Dương đã phát hiện được một chiếc vòng ống rất độc đáo, được tạo thành từ những mảnh đồng rộng bản, mỏng ghép lại với nhau bằng những mấu nối. Toàn bộ vòng khi ghép lại tạo thành một ống hình nón cụt, một đầu to, một đầu nhỏ. Các loại vòng ống tay, chân tìm thấy ở Đông Sơn, Quý Chủ đều có lỗ buộc dây ở hai bên mép để đeo cho khít. Trong các di chỉ Thiệu Dương, Đông Sơn còn tìm thấy cả những chiếc khóa thắt lưng bằng đồng có lỗ để buộc dây và móc, vòng để khoá và nhiều nhạc khí bằng đồng như chuông (lục lạc) v.v...

Kỹ thuật tạo dáng và trang trí đồ đồng của người Đông Sơn ở Thanh Hóa có những nét đặc trưng riêng biệt, đã được các nhà nghiên cứu đánh giá thống nhất. Lưỡi cày hình cánh bướm, liềm, rìu lưỡi xéo gót tròn có thân và lưỡi như hình trăng khuyết được

trang trí cả hai mặt bằng hình người chèo thuyền, hình động vật như hươu, cá sấu... thạp, thổ minh khí, kiếm có tượng phụ nữ gắn ở phần chuôi... là những loại hình hiện vật đặc trưng của người Đông Sơn ở Thanh Hóa.

Tài năng của người thợ kim khí thời Văn hóa Đông Sơn ở cả nước nói chung, Thanh Hóa nói riêng, thể hiện đến đỉnh cao nhất trong việc chế tác nên những chiếc trống đồng Đông Sơn (tức trống Hê gơ loại I).

Thanh Hóa không chỉ là tỉnh đứng đầu cả nước về số lượng trống đồng sưu tập được, mà còn là nơi đầu tiên ở Việt Nam, ở Đông Nam Á phát hiện ra trống đồng Đông Sơn qua các cuộc khai quật khảo cổ.

Về số lượng, Thanh Hóa chiếm tới 1/3 tổng số trống Đông Sơn phát hiện ở Việt Nam (gần 80 chiếc) - chưa kể tới cả trăm chiếc trống loại II, loại III và trống minh khí. Trống đẹp ở Thanh Hóa phải kể đến các trống đồng Quảng Xương, Đa Bút, Thôn Bùi, Mật Sơn. Thanh Hóa cũng là nơi phát hiện được nhiều trống minh khí với hình dáng lạ chôn trong các mộ táng ở Đông Sơn: Chính giữa hình mặt trời có khối tượng chó nổi lên. Trống minh khí Thiệu Dương lại có ngôi sao 4 tia và 2 đôi quai xoắn cuộn.

Đến cuối giai đoạn Văn hóa Đông Sơn, người Cửu Chân trên đất Thanh Hóa đã bắt đầu phát triển nghề luyện sắt. Bằng chứng là trong các di chỉ Đông Sơn, Thiệu Dương đã tìm thấy những mảnh lưỡi dao, lưỡi dáo, mai rìu vv.. bằng sắt, tuy số lượng còn ít ỏi.

Kết quả phân tích các mẫu hiện vật bằng đồng thau ở Đông Sơn, Thiệu Dương, các mẫu trống đồng cho thấy đến giai đoạn Văn hóa Đông Sơn, trong thành phần hợp kim, tỷ lệ đồng và thiếc giảm xuống, làm

cho độ cứng của hợp kim cũng giảm. Trong khi đó tỷ lệ chì lại được nâng cao, thường chiếm đến 10%, có khi đến hơn 20%. Rõ ràng đây là sự pha trộn hợp kim cố ý của người Đông Sơn. Sự sáng tạo ra hợp kim mới là do nhu cầu kinh tế và kỹ thuật. Trước giai đoạn Đông Sơn, kim loại chỉ dùng để sản xuất công cụ, đòi hỏi phải tạo được những công cụ cứng, rắn, nên không pha chì. Đến Văn hóa Đông Sơn, trước yêu cầu sáng tạo ra những đồ dùng như trống, thổ, thạp... và đồ trang sức - là những loại hình cần trang trí đẹp, phức tạp, vì vậy, đòi hỏi hợp kim phải thích hợp, phải có độ mềm dẻo, không dễ gãy và dễ làm khuôn đúc. Chính hợp kim đồng - thiếc - chì với một tỷ lệ chì thích hợp mới đảm đương được vai trò đó. Người Đông Sơn đã tìm ra được quy trình kỹ thuật này.

Với kết quả phát hiện và nghiên cứu của khảo cổ học trong 80 năm qua ở Thanh Hóa nói riêng, Việt Nam và thế giới nói chung, chúng ta có đủ cơ sở để tin rằng, cư dân thời Văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hóa đã bắt đầu có sự hoạt động của *kinh tế hàng hóa*. Người ta đã có sự trao đổi các loại sản phẩm giữa các địa phương, các vùng, chủ yếu là các loại hình công cụ sản xuất. Loại hình rìu gót vuông điển hình của Làng Cả (Phú Thọ), gốm Đường Cổ (Hà Tây) đã được tìm thấy ở Thiệu Dương, Đông Sơn, Xuân Lập. Trong khi đó, loại lưỡi cày hình cánh bướm, rìu gót tròn đặc trưng của Thanh Hóa lại được tìm thấy ở Rú Trăn (Nghệ An), Làng Cả (Phú Thọ), Việt Khê (Hải Phòng), Gò Mả Tre (Hà Nội) v.v...

Ra khỏi biên giới Việt Nam, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được một số loại hình hiện vật có nguồn gốc được chuyển từ Việt Nam đến; Cũng có loại được chế tác tại chỗ với phong cách riêng dưới ảnh

hưởng của Văn hóa Đông Sơn, chủ yếu ở những nước vùng Đông Nam Á. Trống đồng Đông Sơn đã được tìm thấy ở các nước Trung Quốc, Thái Lan, Malaixia, Indônêxia. Có những chiếc kiểu dáng hoa văn giống y hệt trống đồng Việt Nam. Trống Khai Hóa (Vân Nam) và trống trong ngôi mộ số 14 ở Thạch Trại Sơn (Vân Nam - Trung Quốc) là trống Đông Sơn của Việt Nam. Riêng trống ở mộ 14 Thạch Trại Sơn hoàn toàn giống trống Làng Vạc về kiểu dáng cũng như hoa văn trang trí. Ở một số tỉnh Nam Trung Quốc, Indônêxia... đã phát hiện được rìu lưỡi xéo gót nhọn, về kiểu dáng gần gũi với rìu xéo Núi Nấp, chỉ khác ở hoa văn trang trí (4).

- Về dân cư, *Tiền Hán thư* cho biết, thời Hán (tức là sau thời kỳ Nhà nước Văn Lang - thời Văn hóa Đông Sơn và thế kỷ), số dân ở Giao Chỉ là 746.237 người, số dân ở Cửu Chân và Nhật Nam có 235.498 người (5), trong đó Cửu Chân chiếm đến 8/10 diện tích. Theo tính toán của một số nhà nghiên cứu, mật độ dân số của cư dân Việt cổ ở Thanh Hóa thời Văn hóa Đông Sơn ước tính hơn 400 người/km². Căn cứ vào tài liệu khảo cổ học, thì Thanh Hóa thời kỳ này đã xuất hiện những làng có quy mô khá lớn, nhiều làng có mật độ dân số khá cao như Thiệu Dương, Đông Sơn, Núi Nấp, Quỳnh Chủ... Đây cũng là những nơi phát hiện được nhiều mộ táng nhất: Đông Sơn 189 mộ (không kể những phát hiện của người Pháp trước 1945), Thiệu Dương 115 mộ, Núi Nấp 41 mộ, Quỳnh Chủ 32 mộ.

Cư dân Văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hóa chôn theo người chết một số lượng hiện vật khá phong phú, từ công cụ sản xuất đến vũ khí, đồ trang sức... Căn cứ vào cách thức mai táng, số lượng, loại hình đồ tùy táng, chúng ta có thể khẳng định chắc chắn rằng, đến thời kỳ Văn hóa Đông Sơn, trong đời

sống xã hội của cư dân Việt cổ trên đất Thanh Hóa đã có sự phân hóa xã hội một cách sâu sắc. Trong số mộ táng phát hiện được ở Thiệu Dương, có 53 mộ được chôn theo đồ gốm, 36 mộ có đồ gốm kèm ít đồ đồng, có 4 mộ có trên 20 hiện vật bằng đồng, đặc biệt có một mộ chôn theo tới 36 hiện vật bằng đồng. Ở địa điểm Đông Sơn, trong số mộ thuộc Văn hóa Đông Sơn, có 44 mộ chôn theo hiện vật đồng, mộ nhiều nhất có 20 hiện vật và 16 mộ chôn theo hiện vật đá. Cách thức mai táng cũng có những nét khác nhau: Có mộ chôn huyệt đất, có mộ kê đá làm biên, có mộ chôn cá thể, có mộ song táng, hợp táng (táng tập thể ở Núi Nấp). Có người được chôn nằm ngửa, chân tay duỗi thẳng, có người lại chôn trong tư thế 2 tay bị trói quặt ra phía sau. Điều khá đặc biệt là, ở Thanh Hóa đã phát hiện được hình thức mai táng bằng *mộ vò* (ở Đông Sơn và nhiều nhất là ở Cồn Cáo Quỳnh Chủ); Ở Quỳnh Chủ khu mộ vò được phân riêng biệt. Loại hình (táng) thức này là phổ biến của cư dân Văn hóa Sa Huỳnh, còn đối với cư dân Văn hóa Đông Sơn mới chỉ tìm thấy ở Thanh Hóa và Nghệ An (Làng Vạc) - nơi tiếp giáp với Văn hóa Sa Huỳnh. Các di chỉ Đông Sơn vùng lưu vực sông Hồng lại chôn người chết trong quan tài hình thuyền (bằng thân cây khoét rỗng), hoặc chủ yếu là mộ đất.

Thành tựu phát hiện và nghiên cứu Văn hóa Đông Sơn cho thấy cư dân Văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hóa có một *đời sống vật chất và tinh thần khá phong phú*. Người ta đã có nguồn lương thực, thực phẩm khá dồi dào với lương thực chính là lúa gạo, được nấu, đồ, lam trong nồi, chõ, ống, đã chế biến thành các loại bánh, phồng... Nguồn thực phẩm là các loại rau, củ, quả, hạt, cá tôm nước ngọt, nước mặn và thịt, trứng gia cầm. Về y phục, đã có sự phân chia trong lễ hội và ngày thường, giữa nam và nữ. Đồ trang sức được dùng phổ biến cho những

phụ nữ giàu có. Có người đeo tới 34 khuyên tai bằng đá ngọc, có đường kính từ 15mm đến 100mm (ở Núi Nấp). Người Đông Sơn ở Thanh Hóa thường ở nhà sàn có mái cong hình thuyền - loại hình phù hợp với nền đất dốc ở các sườn đồi, gò và cồn ven sông, chân núi như Núi Sỏi (Nông Cống) Thiệu Dương, Quỳ Chủ, Đồng Ngầm, Đông Sơn. Các loại đồ dùng sinh hoạt hàng ngày hầu như khá đầy đủ: Từ âu, chậu, thạp, thố, bình, nồi, vò... đến bát, mâm... bằng các chất liệu đồng, gốm, chủ yếu là bằng gốm.

Những hiện vật khảo cổ cũng cho thấy đời sống tinh thần, sinh hoạt văn hóa của người Đông Sơn ở Thanh Hóa khá phong phú, thể hiện cụ thể, sinh động nhất trong các chủ đề trang trí trên các trống đồng Đông Sơn và các tượng thạp, thố... Bên cạnh hình ảnh các con vật thiêng như chim lạc, cò, bò, cóc nhái v.v... là những hình ảnh trang trí thường mô tả từ các sinh hoạt đời thường như giã gạo, săn bắn, đến ca hát, nhảy múa trong các dịp hội, hè, cách thức sử dụng các loại nhạc khí, nhạc cụ v.v...

Thế giới tâm linh, tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp Đông Sơn ở Thanh Hóa cũng có sự phát triển khá mạnh thông qua những vật thiêng của họ như tượng bò ở Đông Sơn, tượng ốc ở Thiệu Dương, tượng cóc trên vòng đồng, trống Đông Sơn. Quan niệm về thế giới bên kia của người Đông Sơn ở Thanh Hóa cũng thể hiện ở việc chia của cho người chết: từ chỗ chôn theo hiện vật thật đến chỗ chôn theo đồ mô phỏng mà chúng ta gọi là đồ minh khí, đến những nghi thức mai táng người chết: Chôn trực tiếp (mộ đất), hỏa táng, cải táng vào các vò, thạp (ở Quỳ Chủ, Đông Sơn) bằng gốm hoặc đồng.

Các nghiên cứu khảo cổ học cũng đã phát hiện được nhiều tập tục đã hình thành và phát triển từ thời Văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hóa. Đó là các tục cà răng (phát hiện ở mộ táng Núi Nấp), nhuộm răng đen (trong mộ táng Đông Sơn) v.v...

Như vậy, thành tựu phát hiện và nghiên cứu Văn hóa Đông Sơn trong 80 năm qua đã làm sáng tỏ được một thời kỳ lịch sử phong phú và sôi động của cư dân Việt cổ trên đất Thanh Hóa. Đó là thời kỳ sơ sử - thời kỳ bản lề của lịch sử Thanh Hóa hòa chung vào dòng chảy của lịch sử dân tộc. Kết quả phát hiện và nghiên cứu của khảo cổ học cho thấy xã hội cư dân Việt cổ ở Thanh Hóa thời Đông Sơn đã có sức sản xuất phát triển khá cao, sự phân công lao động đã diễn ra mạnh mẽ và sự phân hoá trong các tầng lớp nhân dân đã diễn ra khá sâu sắc.

Dựng nước là một quá trình lịch sử lâu dài hàng ngàn năm tr. Cn, đến Văn hóa Đông Sơn, một nhà nước thực sự của người Việt cổ đã ra đời. Theo các nguồn thư tịch cổ, các vua Hùng chia nước Văn Lang thành 15 bộ, Thanh Hóa thuộc bộ Cửu Chân - một trong 15 bộ ấy. Vì thế, thành tựu khai quật và nghiên cứu Văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hóa đã góp một phần tài liệu cực kỳ quan trọng để nghiên cứu, làm sáng tỏ các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội của thời đại Hùng Vương trong lịch sử dựng nước của dân tộc.

Kết quả phát hiện và nghiên cứu Văn hóa Đông Sơn trong 80 năm cũng cho thấy Văn hóa Đông Sơn ở Thanh Hóa có nguồn gốc phát triển trực tiếp từ các nền văn hóa địa phương trước đó ở Thanh Hóa và mang những sắc thái địa phương riêng biệt. Đến thời kỳ Văn hóa Đông Sơn phát triển thống nhất trên đất nước của các vua Hùng,

Thanh Hóa đã góp phần quan trọng vào sự thống nhất ấy - một dòng chảy lịch sử. Từ đây, Cửu Chân - Thanh Hóa ngày càng trở thành một bộ phận khăng khít của nước Văn Lang, của Văn minh Đông Sơn, sẽ cùng chung bước đi với cả nước.

Văn hóa Đông Sơn còn kéo dài đến vài ba thế kỷ s. Cn, khi đất nước ta đã rơi vào ách thống trị của nhà Hán. Do vị trí địa lý ở xa trung tâm đất nước, sau khi cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại, Cửu Chân mới hoàn toàn bị bọn phong kiến nhà Hán thống trị.

Điều đó có nghĩa là, trên đất Cửu Chân, nền Văn hóa Đông Sơn còn được bảo lưu lâu dài hơn so với cả nước và cư dân Văn hóa Đông Sơn ở Cửu Chân đã kiên cường chống lại sự đồng hóa, nô dịch văn hoá của kẻ thù. Thời kỳ này, Thanh Hóa trở thành một trung tâm văn hóa của đất nước. Hơn thế nữa, xứ Thanh còn là một trung tâm chính trị, mà sự kiện Bà Triệu dựng cờ khởi nghĩa năm 248 đã thu hút được lực lượng đông đảo nhân dân vùng dậy chống lại ách đô hộ của nhà Hán là một chứng minh.

CHÚ THÍCH

(1). Viện Thông tin Khoa học xã hội. *Thành tựu khảo cổ học Việt Nam (1945-1980)*. Hà Nội, 1981, tr. 120.

(2). Dẫn theo Lê Tạo. *Di tích danh thắng Thanh Hóa*. Tập 3. 2003.

(3). Hà Văn Tấn, Nguyễn Duy Hinh. *Kinh tế thời Hùng Vương. Hùng vương dựng nước*. Tập 4, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974.

(4). Thông tin khoa học xã hội. *Thành tựu khảo cổ học Việt Nam (1945-1980)*. Sdd, tr. 119.

(5). Nguyễn Linh, Hoàng Xuân Chinh. *Đất nước và con người thời Hùng Vương. Hùng Vương dựng nước*. Tập 4, Sdd, tr. 49.

THAM KHẢO THÊM

Hùng Vương dựng nước. T. 1, 2, 3, 4. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, 1972, 1973, 1974.

Lịch sử Thanh Hóa. T. 1. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.

Phạm Minh Huyền, Nguyễn Văn Huyền, Trịnh Sinh: *Trống đồng Đông Sơn*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987.

Hà Văn Tấn (chủ biên). *Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.

Hà Văn Tấn (chủ biên). *Khảo cổ học Việt Nam*. T. 2. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999.